



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyễn Đức Vân
Last Middle First

Current Address: Ấp Tiên Tây Thuận, Xã Tiên Thủy, H. Châu Thành, Bến Tre

Date of Birth: 21/6/47 Place of Birth: VN

Previous Occupation (before 1975) 1st Lt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5/2/75 To 1/20/82
Years: 7 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635 Name _____

Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



TO :

MRS. KHUC MINH THO

Families of Vietnamese Pol. Prisoners
Association

PO box 5435 ARLINGTON

SFD 7 6 1999 VA 22205 - 0635

USA

1951

SJ 118

FR. Nomen vom Vintz
19 LE Hump si Wilbur SA 5084 Süd Australia.



NGUYEN DUC
UÂN

6.12.1947

Date of Birth

DEC 6.1947

NAME
LE THI NHI

15.6.1953

Date of Birth

JUN.15.1953

NGUYEN CAM TU

21.4.1975

Date of Birth

APR.21.1975

NGUYEN SON HA

19.11.1984

Date of Birth

NOV.19.1984

Hội Gia Đình Tù Nhân chính Trị Việt Nam
Families of Vietnamese Pol. Prisoners Association
PO Box 5435 - ARLINGTON VA 22205-0635
tel 506 0058

Intake Form (2 copies)

Name of Prisoner NGUYỄN ĐỨC UÂN
Date, place of birth 06-12-1947 Bù Chu (Bắc Việt)
Sex male
Marital Status married
Address in Vietnam Ấp Tiên Tây Thũng, xã Tiên Thủy
Huyện Châu Thành, tỉnh BẾN TRE
Political prisoner - yes

From 2/5/1975 To 20/1/1982

Places of Re education camps: trại cải tạo Bến Thành
tỉnh Bến Tre

VN Army : military Number: 67/804931

Rank: lieutenant Position: Trung Tâm huấn
trung tâm huấn luyện quân Giảng Viên, tỉnh
Kiến Hòa (nay là tỉnh Bến Tre)

VN Government

Application for ODI yes

Number of dependent accompanying : (03) persons

Mailing address in Vietnam 214A Bui Hữu Nghĩa
phố 2 - Quận Bình Thạnh, TP HCM

Name & address of Sponsor Relative

Relationship with Prisoner

Name of dependent accompanying Relative	Date of birth	Relation of PA
Ê Thi Nhi	15/6/1953	Wife
Nguyễn Cẩm Tú	21/4/1975	daughter
Nguyễn Sơn Hà	19/11/1984	daughter

Name - Signature - address of Informant
 Nguyễn Đức Vân Nguyễn Đức Vân Ấp. Tiên Tân Thượng
 xã Tiên - Thủy, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

Name of Principal applicant (PA)
 Nguyễn Đức Vân

Date 12 - 8 - 1989 (Aug 12 - 1989)

Signature

Nguyễn Đức Vân

Additional Information

- 1) Giấy ra trai
- 2) Giấy phép kết hôn
- 3) Trích lục chứng thư hôn thú
- 4) 4 giấy khai sinh (Vợ, chồng và 2 con gái)
- 5) 4 tấm hình (Vợ, chồng và 2 con gái)

Ghi chú

Xin quý hội vì lòng nhân đạo của người
 Việt Nam cũng như của quý hội, xin quý hội
 giúp đỡ tôi và nếu có gì ^{thiếu} sót trong đơn
 thì, xin quý hội thông cảm vì tôi ở dưới tỉnh
 heo lệnh xa xôi lên Sài Gòn làm đơn này.

Xin quý hội cho tôi biết khi nào được hồ sơ này, ĐATA

Families of Vietnamese Political Prisoner Association

PO Box 5435 - Arlington VA 22205 - 0635

tel : 506 0058

Intake Form (2 copies)

Name of Prisoner : NGUYỄN ĐỨC UÂN
 Date, place of birth : 06-12-1947 Bù Chu (Bắc Việt)
 Sex : Male
 Marital status : MARRIED
 Address in Vietnam : Ấp Tiên Tây Thủy, Xã Tiên Thủy
 Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
 Việt Nam
 Political Prisoner : yes
 From 2/5/1975 To 20/1/1982
 VN Army : Military Number : 67/804931
 Rank Trung úy (lieutenant) Position : Trung tâm huấn luyện
 Trung Tâm Điều Hợp, Quân Giải Phóng, tỉnh Kiên Hòa
 (nay là Bến Tre)

VN Government :

Application for ODP: yes

Number of dependent accompanying : (03)

Name	Date of Birth	Relationship TO PA
Lê Thị Nhi	15.6.1953	Vợ (wife)
Nguyễn Cẩm Tú	21.4.1975	Con(gái) daughter
Nguyễn Sơn Hà	19.11.1984	Con(gái) daughter

Mailing address in Vietnam : 214A Bui Hữu Nghĩa
 Phường 2, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Name & address of Sponsor Relative
 relationship with Prisoner

Name - Signature - address of informant
Nguyễn Đức Vân meo Ấy Tiên Tây thùy
Xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Name of Principal applicant (PA)
Nguyễn Đức Vân

Date 12 - 8 - 1989
meo

Additional Information

- 1) Tiây ra trai
- 2) Tiây phết kết hôn
- 3) Trích lục chứng thư hôn thú
- 4) 4 giấy khai sinh (vợ, chồng và 2 con gái)
- 5) 4 tấm hình (vợ, chồng và 2 con gái)

Lưu chú

- Xin quý hội giúp đỡ tôi hoàn thành hồ-sở này và nêu có ^(thiếu) sót xin quý hội thông cảm vì tôi ở dưới tỉnh heo lánh xa xôi và đi lên SAIGON làm hồ-sở này
- xin quý hội cho tôi biết khi nhận được hồ-sở này

ĐA TÀ

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn Điền Thủy
Thị xã, Quận Châu Thành
Thành phố, Tỉnh Bến Tre

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY KHAI SINH

Số 2442
Quyển số 5

HỌ và TÊN	<u>Đỗ Quyên Cẩm Tú</u> Nam, Nữ <u>nữ</u>	
Sinh ngày tháng, năm	<u>Hai mươi mốt, tháng tư, năm một</u> <u>ngàn chín trăm bảy mươi lăm</u>	
Nơi sinh	<u>Xã Điền Thủy</u>	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>Đỗ Quyên Cẩm Tú</u> <u>1962</u>	<u>Lê Thị Nhi</u> <u>1953</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp nơi ĐKKK thường trú	<u>Làm ruộng</u> <u>Xã Điền Thủy</u>	<u>Nội trợ</u> <u>Xã Điền Thủy</u>
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK hướng trú, số g.ý chứng mạch hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Thị Nhi</u> ngụ tại <u>Lưu Văn Thuận</u> <u>Xã Điền Thủy, Châu Thành, Bến Tre</u>	

Đăng ký ngày 24 tháng 03 năm 81

T.M./M.B. Xã (Ký tên đóng dấu ghi rõ chức vụ)



Đỗ Văn Ký

Đặng Văn - Phấn

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
TỈNH KIÊN-HÒA
QUẬN HÀM-LONG
XÃ TIỀN-THỦY
SỐ HIỆU 16

TRÍCH LỤC CHỨNG THƯ HÔN THỦ

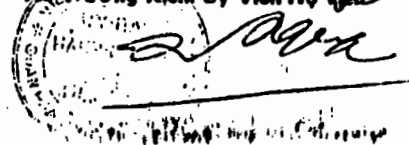
Lập ngày 25 tháng 9 năm 1974

Tên họ chồng	<u>NGUYỄN - ĐỨC - UÂN</u>
Ngày và nơi sinh	<u>06-12-1917</u> <u>NGOC CUC HUI CHU (BV)</u>
Tên họ cha chồng	<u>NGUYỄN - VĂN - ROANH</u> (số <u>57</u> tuổi)
Tên họ mẹ chồng	<u>VŨ - THỊ - ME (CHẾT)</u>
Tên họ vợ	<u>LÊ - THỊ - NHÌ</u>
Ngày và nơi sinh	<u>15-6(1953)</u> <u>TIỀN-THỦY (KIÊN-HÒA)</u>
Tên họ cha vợ	<u>LÊ - VĂN - LINH (CHẾT)</u>
Tên họ mẹ vợ	<u>NGUYỄN - THỊ - THU</u> (số <u>65</u> tuổi)
Ngày lập hôn thú	<u>25</u> tháng <u>9</u> năm 197 <u>4</u>
Có lập hôn khế không	<u>/</u>

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

TIỀN-THỦY ngày 25 tháng 9 năm 1974

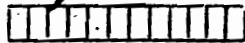
Xã Trưởng Kiêm Ủy Viên Hộ tịch



II, Thị trấn Trần Hưng
Thị xã, Quận Châu Thành
Thành phố, Tỉnh Bến Tre

GIẤY KHAI SINH

Số 118/85
Quyển số 91



Họ và Tên	<u>Nguyễn Sơn Hà</u>		Nam, nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>mười chín, tháng mười một, năm</u> <u>một ngàn chín trăm tám mươi tư</u>		
Nơi sinh	<u>Xã Trần Hưng</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Đức Văn</u> <u>1947</u>	<u>Lê Thị Nhi</u> <u>1953</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm Ruộng</u>	<u>Nội trợ</u>	
Nơi ĐKK thường trú	<u>Xã Trần Hưng</u>	<u>Xã Trần Hưng</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Thị Nhi, ngụ ấp Trần Hưng, xã Trần Hưng</u> <u>Xã Trần Hưng, Châu Thành, Bến Tre</u>		

Đăng ký ngày 10 tháng 5 năm 1985

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Trần Hưng
Nguyễn Hưng
Phong
Nguyễn Hưng Phong

GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Huấn-Thị số 650-403 ngày 27-01-1972)

I - PHẦN DÀNH CHO QUÂN NHÂN XIN KẾT-HÔN : ĐƠN XIN KẾT-HÔN

1. Cấp-bộc, Binh-nghệ, Họ tên quân-nhân xin kết-hôn : TRUNG TÂM LIEU HOP/TTPT/TC	2. Số quân và Đơn-vị : 67/8Ch.931 TRUNG TÂM LIEU HOP/TTPT/TC
3. Ngày, nơi sinh : 06 - 12 - 1947 Xuan Truong, Bui Chu	4. Gia-cảnh : Loc than
5. Họ tên cha mẹ : Cha : NGUYEN VAN ROANH , Mẹ : VU THI ME	
6. Họ tên vợ hôn thê (hoặc hôn phu) : LE THI THI	7. Nghề-nghiep : Nhi tro
8. Ngày, nơi sinh : 15 - 06 - 1953 Tien Thuy, Kien Hoa	9. Gia-cảnh : Loc than
10. Địa-chỉ : IG: 21, Ap Tien Tay Thuan, Xa Tien Thuy, Ham Long, Kien Hoa	
11. Họ tên cha mẹ vợ (hoặc hôn phu) : Cha : LE VAN LIEN , Mẹ : NGUYEN THI THU	
12. CAM-KẾT : Tôi xin cam-kết hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu vi-phạm điều 12 Luật Gia-dinh (1) và trong trường hợp người phối-ngũ của tôi là chồng : LE THI THI trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương hại đến an-ninh Quốc-gia hay hành những việc có thể làm tổn thương đến danh dự QLVNCH (Điều 191 Sắc-luật 13/CT/LĐQG/SL ngày 20.10.64 bắt buộc người vợ quân-nhân phải tự bỏ nghề của mình nếu nghề này có phương hại cho thanh danh của Quân-Đội).	
13. Lần nộp KSC: h245 , ngày 11 - 01 - 1974	14. Chữ ký của quân-nhân xin kết-hôn : [Signature]

II - QUYẾT-ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC THẨM QUYỀN số: 3942/TM/TC/NSV/HTE/KH

15. Cấp-bộc, Họ tên, Chức-vụ của giới chức thẩm quyền : Thiếu-Tướng NGUYEN-ZUÂN-TRANG Tham Mm Phó Nhân-Viên	
Chấp thuận và lưu-vụ quân nhân được phép kết-hôn : a/- Quyết-Định cho phép kết-hôn này chỉ có giá-trị trong phạm-vi OLVNCH và có hiệu-lực trong vòng 6 tháng kể từ ngày ban hành. Quá thời hạn này đương-sự phải xin triển hạn hay hủy bỏ. b/- Ngoài những hình phạt về Quân-kỷ, nếu vi-phạm Huấn-Thị số 650 - 403 ngày 27.01.1972 đương-sự còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật chiếu theo Sắc-luật 15/64 ngày 23.7.64.	
16. NƠI NHẬN : - TX/Kiến-Hòa/P.TC (2 bản) - Sở-nhập-tu hồ sơ và tàng-dự đương-sự - Bí THƯ/P.TC (TT.HGVN) 1 bản - Tiền-Đoàn & Quân-Cảnh (1 bản) - Hồ sơ số 45 địa-chỉ và hôn thê - Hồ sơ số 1 [Signature] 2057	17. KSC 4.002 ngày 9 Th.3. 1974 (Ấn ký của giới chức thẩm quyền) [Signature] [Stamp] [Signature]

TOA HÒA-GIẢI
SAIGON

Lục sao y bản chánh để tại Phòng Lục-Sự Tòa Hòa-Giải Saigon

Số 36881/HT (1)

Ngày 26 tháng 11 năm 1975 (1)

-Đã soát lại đúng
với bản chánh.
-Nguyễn Kim Dung, 6

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

NGUYỄN ĐỨC UÂN

Năm một ngàn chín trăm ~~thuyet~~ 58 ngày 26 tháng II hồi 3 giờ
 Trước mặt chúng tôi NGUYỄN VĂN DOANH Chánh-Án Tòa Hòa-Giải
 Saigon, tại Văn-phòng Chúng tôi, 115, Đại lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự NGUYỄN VĂN
 KHƯƠNG phụ-tá

ĐÃ TRÌNH-DIỆP :

- 1.- BUI VĂN TIEN
- 2.- NGUYEN THE DUC
- 3.- TRAN QUOC NGU

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

NGUYỄN ĐỨC UÂN (nam)

Sanh ngày 06.12.1947 tại Ngọc Cục, Bù Chu, Bắc phước.

Con của NGUYỄN VĂN ROANH và VŨ THỊ ME (c).

Và tuyên-cớ mà Nguyễn Văn Roanh không có thể xin sao lục
 khai-sanh được, là vì sự giao thông gián đoạn.

Mấy nhân-chứng đã xác-nhận như trên đây, nên Chúng tôi phát giấy (bản) khai-sanh này cho. Trong-sự đề sử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-phần Việt-Nam. Các điều 241 và 245 của bộ Hình-luật Cảnh-cải phạt tội nguy-chứng về việc hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 1.000 đến 30.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-doan nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ



LỤC SAO Y.

Saigon, ngày 06 tháng 9 năm 1974

CHÍNH-LỤC-SỰ.

DUYỆT-TUỆT

GIÁ TIỀN: 15.000

(1) Chỉ thiết cần nhắc một khi
xin cấp thêm bản sao

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____

của

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Đức Văn

Họ, tên thường gọi _____

Họ, tên bí danh _____

Sinh ngày 6 tháng 11 năm 1947Nơi sinh Tỉnh Hà Nam NinhNơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt Ấp Biện Mỹ xã BiệnCao tại Trung tâm Cảnh sát Trung tâm Thị trấnBị bắt ngày 25/1/1978 An phạt _____

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ tháng

Nay về cư trú tại _____

Nhận xét quá trình cải tạo

Lần tay ngón trái phải

Chữ _____

Đánh bản số _____

Lập tại _____

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấyNguyễn Đức VănNgày 12 tháng 1 năm 1982

GIÁM TÍN

Nguyễn Đức Văn
Chức vụ: Sĩ Quan

TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TÒA Kiến Hòa

Ngày 7 tháng 7 năm 1972

số 3732/ND

Ấn thế-vi khai-sanh cho

Lê thị Nhì

Chánh-Án:

Biện-lý :

Lục-Sự :

đã lên bản án như sau :

BẢN ÁN

TÒA ÁN

Chiếu theo đơn của Nguyễn thị Tâm

BỞI CÁC LÊ ÁY

chứng nhận : Nguyễn thị Thu nh' in trẻ trên là con

Tòa Sơ thẩm Kiến Hòa về việc
Hộ trợ phiên nhóm công khai
ngày 7 tháng 7 năm 1972
gồm có các ông :

Phạm văn Huệ

Trần đình Khoát

Huỳnh công trực

Phán Rằng: Lê thị Nhì, nữ, sanh ngày 15/6/1953

tại xã Tiên Thủy (Kiến Hòa) con tư sinh của

Lê văn Lâm (c) và Nguyễn thị Tâm.



Phán rằng án này thế vi khai-sanh cho trẻ trên

Đay ghi đoạn phán quyết án này vào sổ khai-sanh đương niên xã trên

và lược biên án này vào lễ tờ khai sanh gần nhất ngà như trên

giữ lại lưu-trữ công.văn xã trên

và Phòng Lục-Sự Tòa Án sò tại

25362/6/d

Đay nguyên đơn chịu hết án phí

Án này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kê trên.

Ký tên : Phạm văn Huệ Huỳnh công trực

Trước ba tại

Quyền

Thầu

Tờ

ngày 29/8/72

Số

Kiến Hòa

Trích y bản chánh

ngày 21 tháng 10 năm 1972

CHÁNH LỤC SỰ

Lê mông Lân

GIÁ TIỀN	
Con niêm . . .	24\$00
Bằng lộc . . .	5\$00
Biên lai	0\$50
Cộng chung . . .	29\$50

CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form 9/19/89
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date _____
☐ Membership; Letter